TRẦN QUỐC THÀNH

MODULE THCS 5

# NÂNG CAO NĂNG LỰC HIỂU BIẾT VÀ XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG GIÁO DỤC CỦA GIÁO VIÊN

## A. GIỚI THIỆU TỔNG QUAN

Module này nêu rõ nội dung và đặc điểm của môi trường học tập của HS THCS; làm rõ các thành tố của môi trường học tập của cấp học này và phân loại các môi trường học tập của HS THCS.

Module cũng cho người học hiểu được vai trò quan trọng của môi trường học tập đối với quá trình học tập và kết quả học tập của HS THCS. Từ đó xác định trách nhiệm của gia đình, nhà trường và xã hội trong việc xây dựng môi trường học tập thuận lợi, phù hợp với yêu cầu học tập của HS THCS để các em có điều kiện học tập thuận lợi và đạt kết quả tốt nhất trong điều kiện còn nhiều khó khăn hiện nay.

Điều đó quyết định sự tồn tại song song "vừa tính trẻ con, vừa tính người lớn" ở lứa tuổi này. Mặt khác, ở những em cùng độ tuổi lại có sự khác biệt về mức độ phát triển các khía cạnh khác nhau của tính người lớn. Sự khác nhau đó do hoàn cảnh sống, do những hoạt động khác nhau của các em tạo nên.

Các nội dung chính của module gồm:

- Tìm hiểu về giai đoạn lứa tuổi HS THCS.
- Giới thiệu về môi trường học tập.
- Phân loại môi trường học tập.
- Ảnh hưởng của môi trường học tập.
- Biện pháp xây dựng môi trường học tập.

## B. MỤC TIÊU

Sau khi học xong module này, GV đạt được:

- Kiến thức:

Trên cơ sở hiểu rõ đặc điểm hoạt động học tập của HS THCS, nắm được nội dung, đặc điểm và các thành tố của môi trường học tập của HS THCS; hiểu rõ vai trò của môi trường học tập đối với quá trình và kết quả học tập của các em.

– **Kĩ năng:**

**Biết hướng dẫn HS và cha mẹ các em tạo dựng môi trường học tập cho chính mình và con em mình, để HS THCS học tập có kết quả tốt.**

– **Thái độ:**

**Có ý thức trách nhiệm trong việc xây dựng môi trường học tập thuận lợi, phù hợp với yêu cầu học tập của HS THCS để các em học tập có kết quả tốt.**

## C. NỘI DUNG

### Nội dung 1

**TÌM HIỂU VỀ GIAI ĐOẠN LỨA TUỔI HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ**

#### 1.1. MỤC TIÊU

**GV có được những kiến thức về tâm lí lứa tuổi HS THCS, từ đó vận dụng vào việc xây dựng môi trường học tập cho HS THCS.**

#### 1.2. THÔNG TIN CƠ BẢN

##### *1.2.1. Khái niệm học sinh Trung học cơ sở*

**Lứa tuổi HS THCS bao gồm những em có độ tuổi từ 11, 12 tuổi đến 14, 15 tuổi. Đó là những em đang theo học từ lớp 6 đến lớp 9 ở trường THCS.**

**Lứa tuổi này còn gọi là lứa tuổi thiếu niên và nó có một vị trí đặc biệt trong thời kì phát triển của trẻ em. Vị trí đặc biệt này được phản ảnh bằng những tên gọi khác nhau: "thời kì quá độ", "tuổi khó bảo", "tuổi khủng hoảng", "tuổi bất trị "'... Những tên gọi đó nói lên tính phức tạp và tầm quan trọng của lứa tuổi này trong quá trình phát triển của trẻ em.**

**Đây là thời kì chuyển từ thời thơ ấu sang tuổi trưởng thành.**

##### *1.2.2. Đặc điểm tâm lí lứa tuổi học sinh Trung học cơ sở*

**Nội dung cơ bản của sự khác biệt ở lứa tuổi HS THCS với các em ở lứa tuổi khác là sự phát triển mạnh mẽ, thiếu cân đối về các mặt trí tuệ, đạo đức. Việc xuất hiện những yếu tố mới của sự trưởng thành do kết quả sự biến đổi của cơ thể, của sự tự ý thức, của các kiểu quan hệ với người lớn, với bạn bè, của hoạt động học tập, hoạt động xã hội...**

Yếu tố đầu tiên của sự phát triển nhân cách ở lứa tuổi HS THCS là tính tích cực xã hội mạnh mẽ của bản thân các em nhằm lĩnh hội những giá trị, những chuẩn mực nhất định, nhằm xây dựng những quan hệ thoả đáng với người lớn, bạn bè và cuối cùng nhằm vào bản thân, thiết kế nhân cách của mình, thiết kế tương lai của mình với mục đích thực hiện những ý định, nhiệm vụ... một cách độc lập.

Tuy nhiên quá trình hình thành cái mới thường kéo dài về thời gian và phụ thuộc vào điều kiện sống, hoạt động của các em. Do đó, sự phát triển tâm lí ở lứa tuổi này diễn ra không đồng đều về mọi mặt. Điều đó quyết định sự tồn tại song song "vừa tính trẻ con, vừa tính người lớn" ở lứa tuổi này. Mặt khác, ở những em cùng độ tuổi lại có sự khác biệt về mức độ phát triển các khía cạnh khác nhau của tính người lớn. Sự khác nhau đó do hoàn cảnh sống, do những hoạt động khác nhau của các em.

### 1.3. TRẢ LỜI CÂU HỎI

**Câu 1:** Theo anh (chị), để xây dựng môi trường học tập cho HS THCS cần lưu ý những đặc điểm tâm lí nào?

**Câu 2:** Anh (chị) hãy phân tích những đặc điểm tâm lí của lứa tuổi HS THCS.

### 1.4. CHIA SẺ VỚI ĐỒNG NGHIỆP TRONG TRƯỜNG, TỔ CHUYÊN MÔN

## Nội dung 2

### GIỚI THIỆU VỀ MÔI TRƯỜNG HỌC TẬP

### 2.1. MỤC TIÊU

GV có những hiểu biết khái quát về môi trường học tập, khái niệm môi trường học tập.

### 2.2. THÔNG TIN CƠ BẢN

#### *2.2.1. Một số nghiên cứu về môi trường học tập*

Nhiều nhà tâm lí học Mĩ với các công trình nghiên cứu đã chỉ ra những ảnh hưởng rất quan trọng của môi trường đến sự hình thành nhân cách cá nhân. Các nhà tâm lí giáo dục học đều thừa nhận vai trò quan trọng của giáo dục và đã đề cập đến vấn đề nghiên cứu, xây dựng môi trường với mục đích có ảnh hưởng tốt đến dạy học và giáo dục nhân cách thế hệ trẻ.

I.V. Paplov nghiên cứu sự hình thành phản xạ có điều kiện trong môi trường được kiểm soát chặt chẽ, con vật (con chó) hoàn toàn thụ động. B.F. Skinnơ nghiên cứu sự hình thành phản xạ tạo tác động môi trường gần với thực tế hơn, con vật (chuột, bồ câu...) chủ động trong hành vi đáp ứng trên cơ sở nhu cầu của nó. Nội dung học tập thể hiện ngay trong môi trường mà con vật tìm cách thích nghi. Đây là cơ sở lí thuyết để xây dựng kiểu dạy học chương trình hoá, dạy học bằng máy. Từ đó, các nhà giáo dục học đã nhận định: Yếu tố môi trường trong giáo dục không chỉ góp phần quyết định sự hình thành và phát triển nhân cách của con người mà quan trọng hơn là yếu tố thực tế đã kích thích chủ thể (con người) hoạt động năng động và sáng tạo hơn. Việc tạo lập, xây dựng và phát triển môi trường giáo dục là một nhiệm vụ quan trọng của khoa học giáo dục hiện đại.

Hai tác giả Denomme và Madeleine Roy đã xây dựng nên mô hình sư phạm tương tác. Trong mô hình đó, *Người dạy – Người học – Tri thức* được chuyển thành *Người dạy – Người học – Môi trường*. Tác giả coi môi trường là yếu tố tham gia trực tiếp đến quá trình dạy học chứ không đơn thuần là nơi diễn ra các hoạt động học.

Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước ta đã rất quan tâm đến việc xây dựng môi trường học tập. Bộ GD&ĐT đã có Chỉ thị số 40/CT–BGD&ĐT ngày 22/7/2008 về việc phát động phong trào thi đua "Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực" trong các trường phổ thông giai đoạn 2008 – 2013.

### 2.2.2. Khái niệm môi trường học tập

Môi trường học tập là các yếu tố có tác động đến quá trình học tập của HS bao gồm:

– Môi trường vật chất: Là không gian diễn ra quá trình dạy học gồm có đồ dùng dạy học như bảng, bàn ghế, sách vở, nhiệt độ ánh sáng, âm thanh, không khí...

– Môi trường tinh thần: Là mối quan hệ giữa GV với HS, HS với HS, giữa nhà trường – gia đình – xã hội... Các yếu tố tâm lí như động cơ, nhu cầu, hứng thú, tính tích cực học tập của HS và phong cách, phương pháp giảng dạy của GV trong môi trường nhóm, lớp.

Môi trường học tập rất đa dạng, cần được tạo ra ở nhà trường, gia đình, xã hội. Môi trường sư phạm là tập hợp những con người, phương tiện đảm bảo cho việc học tập đạt kết quả tốt. Môi trường sư phạm là nội dung cơ bản của môi trường nhà trường.

Trong tài liệu "Curriculum Development – A Guide to Practice" đã quan niệm, môi trường học tập gồm:

- Môi trường học tập theo truyền thống: Nhà trường là môi trường đơn độc tĩnh lặng và trật tự. Bầu không khí này là kết quả của áp lực theo định nghĩa hẹp của nền giáo dục chính quy, cửa vào giới hạn cho một số người và theo phong cách giáo huấn, mô phạm (nói, nghe) đối với việc học tập.
- Trường học đổi mới có cơ cấu tổ chức hoàn toàn trái ngược với phong cách truyền thống. Chúng thường được mở rộng hơn, ồn ào hơn và đôi khi như những trung tâm với các hoạt động. Các trường học như thế thường là kết quả của cả hai sự thay đổi: Định nghĩa trường học và cách hiểu mới về điều kiện môi trường để củng cố việc học.

  Có ba tiêu chuẩn để đánh giá môi trường học tập của nhà trường: Mối liên hệ giữa nhà trường với cộng đồng xung quanh, cấu trúc và cách sử dụng các toà nhà và sân bãi, cách tổ chức không gian học tập trong toà nhà.
- Nhà trường mong muốn mở rộng các phản hồi của HS về quá trình học tập thường khuyến khích sự tham gia của cộng đồng vào các hoạt động của nhà trường, Không gian hấp dẫn vui vẻ, đầy màu sắc, sân trường được sử dụng rộng rãi trong nhiều hoạt động...
- Cuộc cách mạng trong xây dựng trường học: Một toà nhà sinh động, năng nổ thể hiện một trung tâm học tập chủ động, sáng tạo.
- Không gian lớp học: Cách truyền thống là sắp xếp phòng học sao cho tất cả mọi cái nhìn và sự chú ý tập trung vào người thầy, các hoạt động trùng khớp với cách sắp xếp đồ đạc.

  Toàn bộ hệ thống môi trường học tập, môi trường dạy học, môi trường giáo dục trong trường phải được tiếp cận hệ thống, đó là các quan hệ thầy – trò, quan hệ trò – trò, quan hệ nhóm lớp của HS, quan hệ của HS với nhà quản lí, mà bản chất của các mối quan hệ là dựa trên quan hệ pháp luật, nhân văn, đạo đức, cộng đồng hợp tác.

Như vậy, môi trường học tập là toàn bộ các yếu tố vật chất, không gian và thời gian, tình cảm và tinh thần – nơi HS đang sinh sống, lao động và học tập, có ảnh hưởng trực tiếp, gián tiếp đến sự hình nhân cách của HS phù hợp với mục đích giáo dục.

### 2.3. TRẢ LỜI CÂU HỎI

**Câu 1: Thế nào là môi trường học tập?**

**Câu 2: Môi trường học tập có ý nghĩa gì trong việc giáo dục nhân cách HS ?**

### 2.4. CHIA SẺ VỚI ĐỒNG NGHIỆP, TỔ CHUYÊN MÔN

## Nội dung 3

**TÌM HIỂU VỀ CÁC LOẠI MÔI TRƯỜNG HỌC TẬP**

### 3.1. MỤC TIÊU

**Học viên có những hiểu biết về phân loại và đặc điểm của môi trường học tập. Trên cơ sở đó có những biện pháp xây dựng môi trường học tập tích cực.**

### 3.2. THÔNG TIN CƠ BẢN

#### *3.2.1. Phân loại môi trường học tập theo địa bàn*

- **Môi trường học tập ở trường:**

  **Giáo dục nhà trường là hoạt động giáo dục trong các trường lớp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân theo mục đích, nội dung, phương pháp có chọn lọc trên cơ sở khoa học và thực tiễn nhất định. Giáo dục nhà trường được tiến hành có tổ chức, luôn luôn tác động trực tiếp có hệ thống đến sự hình thành và phát triển toàn diện của nhân cách. Thông qua giáo dục nhà trường, mỗi cá nhân được bồi dưỡng phẩm chất đạo đức, kiến thức khoa học, kĩ năng thực hành cần thiết, tương ứng với yêu cầu của các bậc học, cấp học phù hợp với trình độ phát triển của xã hội trong từng giai đoạn.**

  **So với gia đình, nhà trường là một môi trường giáo dục rộng lớn hơn, phong phú, hấp dẫn hơn đối với thế hệ trẻ. Trong nhà trường, trẻ được**

giao lưu với bạn bè cùng lứa tuổi ở địa phương, cộng đồng, được tham gia vào nhiều hoạt động mang tính xã hội, giúp cho quá trình xã hội hoá cá nhân phong phú, toàn diện hơn.

Nhà trường là một thiết chế xã hội chuyên biệt thực hiện chức năng cơ bản là tái sản xuất sức lao động, phát triển nhân cách theo hướng duy trì, phát triển xã hội. Nhà trường có chức năng hình thành và phát triển nhân cách thế hệ trẻ thông qua hoạt động dạy học, giáo dục. Tri thức trong nhà trường là những kinh nghiệm của nhân loại đã được chọn lọc và tích luỹ. Nhà trường là tổ chức chuyên biệt có chức năng truyền thụ toàn bộ kinh nghiệm lịch sử của nhân loại cho thế hệ trẻ phù hợp với đặc điểm tâm sinh lí lứa tuổi nhằm hình thành và phát triển mô hình nhân cách lí tưởng của xã hội đặt ra.

Giáo dục nhà trường có sự thống nhất về mục đích, mục tiêu cụ thể, được thực hiện bởi đội ngũ các nhà sư phạm được đào tạo và bồi dưỡng chu đáo, tiến hành giáo dục theo một chương trình, nội dung, phương pháp sư phạm nhằm tạo mọi điều kiện thuận lợi cho sự phát triển nhân cách toàn diện, hướng tới sự thành đạt của con người.

Ngày nay, giáo dục nhà trường luôn gắn liền với môi trường sống và môi trường tự nhiên, với các cơ sở sản xuất nhằm phát huy nội lực, lôi cuốn sự tham gia của các lực lượng xã hội vào giáo dục học đường, mặt khác giúp cho nội dung giáo dục gắn với đời sống sản xuất xã hội. Nhà trường có chức năng chuyển giao văn hoá giúp cho mỗi HS hoà nhập với cộng đồng và trở thành tác nhân chuyển giao nền văn hoá cho thế hệ sau, nhằm duy trì bản sắc văn hoá của dân tộc. Ngày nay, mỗi cá nhân không chỉ tiếp thu tri thức từ nhà trường mà còn tiếp nhận thông tin qua các kênh như sách, báo, mạng Internet...

Giáo dục nhà trường phải kết hợp chặt chẽ với giáo dục gia đình và xã hội thì mới đạt được mục tiêu chung về giáo dục và đào tạo thế hệ trẻ. Điều quan trọng nhất là phải có sự thống nhất về định hướng giáo dục giữa nhà trường, gia đình và xã hội.

Hoạt động học tập và các hoạt động khác của HS THCS có nhiều sự thay đổi, có tác động quan trọng đến việc hình thành những đặc điểm tâm lí lứa tuổi HS THCS, như:

+ Bắt đầu thay đổi về nội dung dạy học:

Bắt đầu vào học trường THCS, các em được tiếp xúc với nhiều môn học khác nhau, mỗi môn học bao gồm một hệ thống tri thức với những khái niệm trừu tượng, khái quát, có nội dung sâu sắc, phong phú, do đó đòi hỏi thay đổi cách học. Các em không thể học thuộc từng bài, mà phải biết cách lập dàn bài, làm tóm tắt, nắm bắt các ý chính, dựa vào các ý chính mà trình bày toàn bộ bài học theo cách hiểu của mình.

Sự phong phú về tri thức từng môn học làm cho khối lượng tri thức các em lĩnh hội được tăng lên nhiều. Tầm hiểu biết của các em được mở rộng.

+ Sự thay đổi về phương pháp dạy học và hình thức học tập:

Các em được học nhiều môn, nhiều thầy cô giảng dạy. Mỗi môn học có phương pháp phù hợp với bộ môn đó, mỗi thầy dạy có cách trình bày, có phương pháp độc đáo của mình, sử dụng các hình thức dạy học khác nhau. Sự khác nhau này đã ảnh hưởng đến việc lĩnh hội, đến sự phát triển trí tuệ và nhân cách của các em. Thái độ say sưa, hứng thú học tập, việc hình thành và phát triển cách lập luận độc đáo cùng những nét tính cách quý báu của các em đều do ảnh hưởng của cách giảng dạy và nhân cách của người thầy.

Hoạt động học tập là hoạt động chủ đạo của lứa tuổi HS, nhưng đến HS THCS, hoạt động học tập được xây dựng lại một cách cơ bản so với lứa tuổi HS tiểu học.

Các công trình nghiên cứu của các nhà tâm lí học đã chỉ ra rằng, ở thời kì đầu của lứa tuổi HS THCS, các em chưa có kĩ năng cơ bản để tổ chức việc tự học (các em chỉ tự học khi có bài tập, nhiệm vụ được giao) sau khi chuyển sang mức độ cao hơn (độc lập, nắm vững tài liệu mới, những tri thức mới). Đây cũng là lứa tuổi bắt đầu hình thành mức độ hoạt động học tập cao nhất. Đối với các em, ý nghĩa của hoạt động học tập dần dần được xem như là hoạt động độc lập hướng vào sự thoả mãn nhu cầu nhận thức. Nhiều công trình nghiên cứu cho thấy động cơ học tập của HS THCS có một cấu trúc phức tạp, trong đó các động cơ xã hội khác nhau được kết hợp thành một khối (học tập để phục vụ xã hội, để lao động tốt...). Những động cơ nhận thức và những động cơ riêng (ví dụ muốn có uy tín, có địa vị trong lớp...) liên quan tới sự mong muốn tiến bộ

và lòng tự trọng. Đôi khi ta lại thấy có sự mâu thuẫn giữa việc mong muốn trao đổi tri thức với thái độ bàng quan, thậm chí là thái độ xấu đối với học tập, thái độ "phớt đời" đối với điểm số.

Sở dĩ có tình trạng trên là do các nguyên nhân sau: Do phản ứng của lứa tuổi này đối với thất bại trong học tập; do xung đột với GV. Các em thường hay xúc động mạnh khi thất bại trong học tập, nhưng lòng tự trọng khiến các em che giấu, thờ ơ, lãnh đạm đối với thành tích học tập. Nhiều lúc chúng ta thấy các em thường nhắc bài cho nhau. Việc làm này của các em có nhiều động cơ khác nhau. Nhưng các nhà tâm lí học đã xác nhận rằng, đó là động cơ thuộc về mặt nhận thức, đạo đức của các em. Các em nhắc bài cho bạn là muốn giúp bạn, bởi vì các em quan niệm giúp bạn là giúp bằng mọi phương tiện. Có em nhắc bài cho bạn để tỏ rõ sự hiểu biết của mình, muốn khoe khoang sự chăm chỉ học bài của mình.

Tóm lại, động cơ học tập của HS THCS rất phong phú, đa dạng, nhưng chưa bền vững, nhiều khi còn thể hiện sự mâu thuẫn của nó.

Thái độ đối với học tập của HS THCS cũng rất khác nhau. Tất cả các em đều ý thức được tầm quan trọng và sự cần thiết của học tập, nhưng thái độ biểu hiện rất khác nhau. Sự khác nhau đó được thể hiện như sau:

- Trong thái độ học tập: Từ thái độ rất tích cực, có trách nhiệm đến thái độ lười biếng, thờ ơ, thiếu trách nhiệm.
- Trong sự hiểu biết chung: Từ mức độ phát triển cao và sự ham hiểu biết nhiều lĩnh vực tri thức khác nhau ở một số em, đến mức độ phát triển rất yếu, tầm hiểu biết hạn chế ở một số em khác.
- Trong phương thức lĩnh hội tài liệu học tập: Từ chỗ có kĩ năng học tập độc lập, có nhiều cách học đến mức hoàn toàn chưa có kĩ năng học tập độc lập, chỉ biết học thuộc lòng từng bài, từng câu, từng chữ.
- Trong hứng thú học tập: Từ hứng thú biểu hiện rõ rệt đối với một lĩnh vực tri thức nào đó và có những việc làm có nội dung cho đến mức độ hoàn toàn không có hứng thú nhận thức, việc học hoàn toàn gò ép, bắt buộc.

Nhiều công trình nghiên cứu đã chỉ ra rằng, để giúp các em có thái độ đúng đắn với việc học tập, thì:

- Tài liệu học tập phải súc tích về nội dung khoa học.

– Tài liệu học tập phải gắn với cuộc sống của các em, làm cho các em hiểu rõ ý nghĩa của chúng.

– Tài liệu phải gây cho HS hứng thú học tập.

– Cách trình bày tài liệu phải gợi cho HS có nhu cầu tìm hiểu tài liệu đó.

– Phải giúp đỡ các em biết cách học, có phương pháp học tập phù hợp.

• Môi trường gia đình:

Ở lứa tuổi này, địa vị của các em ở trong gia đình đã thay đổi, các em được gia đình thừa nhận như là một thành viên tích cực của gia đình, được cha mẹ, anh chị giao cho những nhiệm vụ cụ thể như chăm sóc các em nhỏ khi cha mẹ đi vắng, nấu cơm, dọn dẹp nhà cửa, chăn nuôi gia súc... Ở các gia đình neo đơn, các em đã phải tham gia lao động thực sự để góp phần nâng cao thu nhập của gia đình. Các em đã ý thức được các nhiệm vụ đó và thực hiện tích cực.

Điều quan trọng và có ý nghĩa lớn đối với các em là đã được tham gia bàn bạc một số công việc của gia đình, về những việc của cha mẹ, anh chị, quan tâm đến việc xây dựng, bảo vệ uy tín của gia đình hơn các em HS tiểu học. Những sự thay đổi đó đã động viên, kích thích các em hoạt động tích cực, độc lập, tự chủ.

* *Ý nghĩa của giáo dục gia đình*:

– Gia đình là một đơn vị xã hội (nhóm nhỏ xã hội), hình thức tổ chức quan trọng nhất của sinh hoạt cá nhân, dựa trên hôn nhân và quan hệ huyết thống, tức là quan hệ giữa vợ chồng, giữa cha mẹ và con cái, giữa anh chị em và những người thân khác cùng chung sống và có kinh tế chung (theo *Từ điển Triết học*, NXB Văn hoá Thông tin, Hà Nội, 2002).

Gia đình là môi trường giáo dục đầu tiên và là môi trường giáo dục suốt đời đối với quá trình hình thành và phát triển nhân cách con người. Gia đình giữ vị trí quan trọng và có ý nghĩa lớn lao đối với quá trình hình thành và phát triển nhân cách. Đó là môi trường gắn bó trong suốt cuộc đời của mỗi cá nhân. Gia đình là nơi tạo ra mối quan hệ gắn bó ruột thịt huyết thống – một thứ tình cảm khó có thể chia cắt. Do đó, dù có phải trải qua bao biến động về mọi phương diện, con người vẫn luôn hướng về quê hương, gia đình.

Cha mẹ là người thầy giáo, là nhà sư phạm đầu tiên giáo dục cho con cái mình những phẩm chất nhân cách cơ bản (gốc) làm nền tảng cho quá trình phát triển toàn diện về đạo đức, trí lực, thể lực, thẩm mĩ, lao động theo các yêu cầu của xã hội. Gia đình là động lực giúp con người không ngừng hoàn thiện nhân cách. Thế mạnh của gia đình là tình yêu thương, sự quan tâm chăm sóc, chính điều đó giúp cho con người có thể vượt qua những khó khăn và rào cản của cuộc sống, lao động và học tập.

Sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước đòi hỏi ngành Giáo dục, trong đó có giáo dục gia đình đào tạo cho xã hội những công dân có phẩm chất chính trị, đạo đức, tri thức, kĩ năng thực hành nghề, khả năng thích ứng với những thay đổi về mặt công nghệ và quản lí, tài giỏi trong các lĩnh vực chuyên môn như: chính trị, kinh tế, quản lí, thể thao, văn hoá,... những lĩnh vực mà xã hội rất cần nhân tài.

Do nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan nên số đông gia đình không thể trực tiếp giáo dục con cái phát triển về mọi mặt: tri thức, văn hoá, kĩ thuật nghề nghiệp của xã hội hiện đại hoặc ngoại ngữ hay nghệ thuật... Để thực hiện những điều đó đã có những cơ quan tổ chức chuyên môn. Song, giáo dục cho trẻ về mặt đạo đức, thói quen lao động chân tay và trí óc phù hợp với khả năng của mình để tồn tại và phát triển trong xã hội hiện đại thì các bậc cha mẹ giữ vai trò quan trọng. Nhà giáo dục kiệt xuất K.D. Usinxki đã khẳng định: "Lao động tự giác là liều thần dược của quá trình phát triển nhân cách". Đạo đức và lao động là những phẩm chất cốt lõi của nhân cách. Người có đạo đức cũng là người yêu quý, tích cực lao động chân tay và trí óc, làm giàu một cách chân chính cho gia đình và cho xã hội.

Giáo dục gia đình có những mặt mạnh, tích cực là mang tính xúc cảm cao, gắn bó với quan hệ ruột thịt, máu mủ nên có khả năng cảm hoá rất lớn. Giáo dục gia đình cũng mang tính cá biệt rõ rệt dựa trên cơ sở huyết thống: yêu thương sâu sắc, lâu dài, bền vững và cũng rất linh hoạt, thiết thực trên cơ sở nhu cầu hứng thú của cá nhân. Mặc dù vậy, giáo dục gia đình không thể thay thế hoàn toàn giáo dục của nhà trường.

* *Đặc điểm của giáo dục gia đình hiện nay*:

Đất nước chuyển sang nền kinh tế thị trường đã có ảnh hưởng mạnh mẽ đến toàn bộ đời sống vật chất, tinh thần của gia đình.

Quy mô gia đình nhỏ – ít thế hệ, ít nhân khẩu (gia đình hạt nhân) ngày càng phổ biến, tạo nên nếp sống năng động, linh hoạt so với gia đình truyền thống đông người, nhiều thế hệ (tam, tứ đại đồng đường) sống chung với nhau trong một mái nhà.

Ảnh hưởng của văn hoá ngoại lai và quy luật cạnh tranh cũng làm xuất hiện ngày càng nhiều những tệ nạn xã hội như tham nhũng, mại dâm, nghiện hút, bạo lực... tạo ra những thách thức và những khó khăn cho mỗi cá nhân khi lựa chọn các giá trị chân, thiện, mĩ trong giáo dục gia đình hiện nay.

Các hiện tượng gây mất ổn định đối với đời sống gia đình như li hôn, có người nghiện hút, kinh doanh thua lỗ, phá sản, nợ nần, bị tù tội, bị lây nhiễm căn bệnh thế kỉ HIV... đang có nguy cơ gia tăng cũng gây khó khăn cho công tác giáo dục gia đình.

Tình trạng thiếu việc làm, đời sống chênh lệch giữa nông thôn và thành thị khiến một bộ phận thanh thiếu niên ở nông thôn bỏ gia đình ra thành phố lang thang kiếm sống... cũng tạo nên những hoàn cảnh bất lợi khiến các em dễ sa vào các tệ nạn xã hội.

Nền sản xuất công nghiệp làm cho mối quan hệ giữa cha mẹ và con em trong gia đình ngày càng lỏng lẻo. Nhiều bậc cha mẹ đã phải gửi con vào nhà trẻ từ lúc 3 hay 4 tháng tuổi; hình thức nội trú, bán trú ở lứa tuổi mầm non, tiểu học... trở nên phổ biến. Thời gian tiếp xúc với con cái của các bậc cha mẹ ngày càng ít ỏi.

Giáo dục gia đình chịu ảnh hưởng khá lớn của điều kiện kinh tế, tiện nghi, nếp sống văn hoá, nghề nghiệp... của cha mẹ. Đặc biệt là mối quan hệ gần gũi, gắn bó giữa cha mẹ và con cái.

Nhờ thấu hiểu tính cách, sức khỏe của con cái mà các bậc cha mẹ có thể tìm kiếm, lựa chọn được biện pháp phù hợp để giải quyết có hiệu quả các tình huống giáo dục, tạo điều kiện thuận lợi cho việc hình thành và phát triển những phẩm chất nhân cách tốt đẹp của trẻ.

* *Một số sai lầm thường gặp trong giáo dục gia đình*:

Nhà văn, nhà giáo dục J.J. Rútxô đã khẳng định: "Trẻ em không phải là người lớn thu nhỏ lại", tức trẻ em có một đời sống tâm lí đặc trưng thể hiện trong nhu cầu, hứng thú, suy nghĩ, hành vi của chúng. Do từng sống

trong những môi trường, hoàn cảnh giáo dục đầu tiên khác biệt mà nhiều bậc cha mẹ thường có kì vọng truyền thụ, áp đặt kinh nghiệm, phương pháp giáo dục mà mình được hưởng cho con em. Điều này là không hợp lí bởi lẽ, mỗi thời đại đều có những phương thức giáo dục đặc thù. Cha mẹ cần tôn trọng quyền được làm trẻ em và những nhu cầu vật chất, tinh thần hợp lí của trẻ trong xã hội ngày nay.

*Chiều chuộng*, yêu thương con là một bản tính tự nhiên của cha mẹ, là nguồn vui, hạnh phúc của gia đình, nhưng không nên nuông chiều quá mức, tức là đáp ứng, thoả mãn mọi nhu cầu của trẻ dẫn đến việc hình thành những thói xấu như vị kỉ, ỷ lại, kiêu ngạo, đua đòi...

Thường xuyên đánh mắng thô bạo sẽ làm cho quan hệ giữa bố mẹ và con cái không có sự gần gũi, tạo nên sự cách biệt vì sợ hãi. Trẻ em sẽ tránh những trận đánh mắng thô bạo khi biết mình phạm khuyết điểm bằng cách nói dối hoặc ngoan cố một cách có ý thức. Mặt khác, thường xuyên đánh mắng thô bạo sẽ làm cho trẻ bi quan, chán đời, muốn rời bỏ tổ ấm gia đình, thậm chí tự tử. A.X. Macarencô đã tổng kết: "Từ những đứa trẻ bị đánh đập, cấm đoán sẽ sinh ra con người bạc nhược, vô tích sự hoặc độc đoán, suốt đời sẽ trả thù cho tuổi thơ dồn nén của mình".

*Thả nổi tự do* là sai lầm khá phổ biến đối với các bậc cha mẹ bận rộn với công việc, không còn thời gian quan tâm và giáo dục con cái, phó thác cho nhà trường hoặc nơi trông trẻ. Tác hại đầu tiên là không theo dõi được khả năng phát triển trí lực của con cái để có biện pháp chấn chỉnh kịp thời, dẫn đến việc trẻ học yếu, từ đó chán học. Tác hại thứ hai là trẻ dễ có điều kiện nhiễm các thói quen xấu mà bố mẹ không biết để ngăn chặn kịp thời.

*Nóng lạnh thất thường, kì vọng quá cao* thể hiện thái độ và cách cư xử của cha mẹ với con cái, lúc thì vỗ về chiều chuộng hết mức, lúc thì đánh mắng thô bạo tuỳ theo tâm trạng buồn vui của họ chứ không phải theo phương pháp giáo dục phù hợp với các tình huống cụ thể. Vì vậy không đạt được kết quả mong muốn. Trong giáo dục gia đình, cha mẹ không nên đặt kì vọng quá cao vào con cái, mong muốn thúc bách chúng trở thành tài, có thu nhập cao... mà không tính đến năng lực thực sự của trẻ. Kết quả là trẻ không đánh giá được mình, một bộ phận trẻ thất bại và mất niềm tin vào cha mẹ.

* *Một số nguyên tắc trong việc xây dựng môi trường giáo dục gia đình*:

a) Tạo không khí gia đình êm ấm, hoà thuận

Gia đình là môi trường sống đầu tiên, gần gũi, gắn bó suốt cuộc đời của mọi thành viên nên nó có ảnh hưởng vô cùng lớn lao, sâu sắc đến toàn bộ đời sống tâm lí, đạo đức, xu hướng phát triển... của cá nhân. Không khí gia đình được hình thành và phát triển tuỳ thuộc vào quan hệ, uy tín của bố mẹ. Không khí gia đình êm ấm, hoà thuận sẽ tạo nên nếp sống trật tự, kỉ cương, mọi thành viên tôn trọng, quý mến, yêu thương, tin tưởng lẫn nhau, chia sẻ cùng nhau niềm vui, nỗi buồn và những khó khăn trong cuộc sống, là động lực cho con trẻ hình thành, phát triển nhân cách.

Môi trường giáo dục gia đình được thể hiện qua cách con người lao động, học tập, sinh hoạt,... Đó là nếp sống của gia đình, truyền thống gia đình, phong tục tập quán mà gia đình tuân thủ, quan hệ ứng xử trong gia đình, sự quan tâm của cha mẹ đối với con trẻ, phương pháp giáo dục của cha mẹ đối với con trẻ, mối quan hệ của gia đình với những người xung quanh, sự gương mẫu của cha mẹ trước con trẻ...

b) Nghiêm khắc và khoan dung, độ lượng

Nghiêm khắc thể hiện trước hết bằng chính bản thân bố mẹ, bằng sự mẫu mực trong lời nói và việc làm với tư cách là người công dân chân chính, là người chủ gia đình; từ đó cha mẹ mới có thể nêu yêu cầu, đòi hỏi đối với mọi hành vi hoạt động của con cái. Nghiêm khắc nhưng không hà khắc, nhưng sự nghiêm khắc đòi hỏi phải nhất quán trong quá trình đề ra yêu cầu đối với trẻ và yêu cầu trẻ phải thực hiện, thống nhất giữa cha với mẹ trong việc đề ra yêu cầu và nhiệm vụ đối với con trẻ. Khoan dung, độ lượng thể hiện sự tôn trọng, tin tưởng, yêu thương của bố mẹ với con cái, đặt niềm tin vào sự tiến bộ của trẻ, không thành kiến với những sai lầm của trẻ. Khoa dung, độ lượng không phải là quá dễ dãi, nuông chiều mặc trẻ tự do hành động. Nghiêm khắc kết hợp với khoan dung độ lượng sẽ giúp cho các bậc làm cha mẹ tìm được giải pháp phù hợp đối với các tình huống trong giáo dục gia đình.

c) Thống nhất mục đích giáo dục theo mô hình lí tưởng xã hội

Giáo dục trẻ ở trong gia đình chỉ đạt kết quả tốt đẹp nếu như tất cả mọi thành viên trong gia đình (ông bà, bố mẹ, người lớn...) đều tác động theo

định hướng thống nhất vào một mục đích chung nhằm hình thành và phát triển ở trẻ những phẩm chất, năng lực, thói quen, hành vi chuẩn mực của người công dân chân chính theo yêu cầu của xã hội. Trong quá trình phát triển nhân cách, đứa trẻ sẽ vô cùng khó khăn lựa chọn nếu như trong gia đình không có sự tác động thống nhất vào những yếu tố cơ bản, phù hợp với mô hình nhân cách mà xã hội đang yêu cầu.

d) Uy quyền của bố mẹ trong giáo dục gia đình

Cơ sở chính để xây dựng uy quyền thật sự của bố mẹ chỉ có thể nằm ngay trong cuộc sống lao động, học tập, trong đạo đức, vai trò và trách nhiệm của người công dân của họ làm cho con cái phải kính phục, học tập. Đối với con cái, uy quyền thực sự của bố mẹ có ý nghĩa to lớn, tích cực, bền vững đối với quá trình hình thành và phát triển nhân cách tốt đẹp của chúng. Còn các loại uy quyền giả tạo dựa vào sự đàn áp, mua chuộc, thuyết lí... chỉ tạo ra sự đối phó, không đem lại kết quả bền vững, lâu dài.

e) Tôn trọng nhân cách của trẻ

Ngày nay các quốc gia trên thế giới đã kí Công ước quốc tế về Quyền trẻ em... Thực hiện "Quyền trẻ em" là thể hiện sự tôn trọng nhân cách của trẻ, coi trẻ như một công dân nhỏ tuổi trong xã hội văn minh. Do đó, giáo dục gia đình cần tránh các phương pháp bạo lực như đánh đập, mắng mỏ, thoá mạ, cưỡng bức... thủ tiêu những nhu cầu, nguyện vọng chính đáng cần có do đặc điểm lứa tuổi của các em đòi hỏi.

g) Tổ chức môi trường cho trẻ hoạt động

Giáo dục gia đình sẽ không có ý nghĩa và tác dụng nếu chỉ tập trung vào các phương pháp giải thích, diễn giảng, đối thoại, đàm thoại, nêu gương. Điều quan trọng là các bậc cha mẹ phải tổ chức môi trường cho trẻ được hoạt động và giao lưu. Hoạt động – giao lưu là con đường cơ bản để hình thành và phát triển nhân cách. Theo một ý nghĩa nào đó, trong hoạt động đã có giao lưu, muốn giao lưu cần phải hoạt động. Các bậc cha mẹ nên tổ chức môi trường hoạt động lao động trong sinh hoạt hằng ngày của gia đình từ những hình thức đơn giản như quét dọn nhà cửa, chăm sóc vườn hoa cây cảnh, chuẩn bị bữa ăn hằng ngày đến những hình thức lao động phức tạp hơn như hoạt động học tập, nghỉ ngơi, giải trí, thể dục thể thao... Chính trong quá trình tham gia vào các hoạt động đó, các em

sẽ bộc lộ năng lực, ý chí, tình cảm, hứng thú, tính nết... Thông qua các mối quan hệ đó, các em tự nhận biết được những tồn tại, nhược điểm để rèn luyện, học tập và ngày càng hoàn thiện bản thân hơn.

Mọi hoạt động dù đơn giản nhưng các bậc cha mẹ cũng cần hướng dẫn cẩn thận, nêu rõ lợi ích trước mắt, lâu dài trong đời sống con người. Ở mức độ cao hơn, các bậc cha mẹ nên và cần chú ý tổ chức môi trường giáo dục gia đình sao cho hợp lí nhằm đưa các em vào các hoạt động phát triển cả đức, trí, thể, mĩ, lao động... phù hợp với lứa tuổi.

- Môi trường xã hội:

Giáo dục xã hội là hoạt động của các tổ chức, các nhóm xã hội có chức năng giáo dục theo quy định của pháp luật hoặc các chương trình giáo dục trên các phương tiện thông tin đại chúng. Giáo dục xã hội tác động đến quá trình hình thành và phát triển nhân cách của trẻ thường qua hai hình thức: tự phát và tự giác. Những ảnh hưởng tự phát bao gồm các yếu tố tích cực và tiêu cực của đời sống xã hội vô cùng phức tạp do cá nhân tự lựa chọn theo nhu cầu, hứng thú, trình độ tự giáo dục của mình. Những ảnh hưởng tự giác là những tổ hợp tác động trực tiếp hay gián tiếp có hướng đích, có nội dung, phương pháp bằng nhiều hình thức của các tổ chức, cơ quan, đoàn thể xã hội như y tế, thể thao, nghệ thuật, Hội Người cao tuổi, Hội Cựu chiến binh, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Phụ nữ... đến quá trình hình thành và phát triển nhân cách của trẻ. Môi trường xã hội có ảnh hưởng rất mạnh mẽ đến cuộc sống của mọi cá nhân.

Đối với thanh thiếu niên, HS thì tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và Đội Thiếu niên Tiền phong ở trong nhà trường và địa phương là tổ chức thu hút các em thường xuyên sinh hoạt nhằm thoả mãn các nhu cầu, hứng thú theo đặc điểm của lứa tuổi. Đó cũng là các tổ chức giúp các em hoạt động – giao lưu, vui chơi, giải trí nhằm thực hiện chức năng giáo dục tư tưởng, chính trị, đạo đức, nhân sinh quan cho thế hệ công dân tương lai theo yêu cầu phát triển của xã hội.

Môi trường giáo mục xã hội hiện đại không còn hạn chế trong một địa phương hay trong một quốc gia mà đã mở rộng ra toàn thế giới, nhờ các phương tiện thông tin. Trong môi trường xã hội, mỗi nhóm, mỗi tổ chức,

mỗi quốc gia đều có những mục đích, yêu cầu, nội dung, phương thức tiến hành giáo dục riêng biệt. Đây là vấn đề phức tạp của môi trường xã hội, nhà nước cần có những chủ trương, chính sách phù hợp nhằm tập hợp, quản lí các chủ thể, phương tiện tham gia giáo dục xã hội hoạt động theo những định hướng lành mạnh, góp phần hình thành nhân cách con người Việt Nam.

Giáo dục của xã hội phải kết hợp chặt chẽ với giáo dục gia đình và nhà trường, góp phần thực hiện mục tiêu đào tạo con người theo định hướng của Đảng và Nhà nước. Để phát huy tính tích cực của giáo dục xã hội, các tổ chức, cơ quan đoàn thể xã hội trước hết phải thực hiện chức năng cơ bản, chủ yếu của mình, góp phần làm cho môi trường xã hội trong sạch, đời sống văn hoá vật chất, tinh phần phong phú, lành mạnh, hạn chế tác động tiêu cực đến đời sống của mỗi cá nhân, nhất là đối với thế hệ trẻ.

Ở lứa tuổi này các em được xã hội thừa nhận như một thành viên tích cực và được giao một số công việc nhất định trên nhiều lĩnh vực khác nhau như tuyên truyền cổ động, giữ trật tự đường phố, giúp đỡ gia đình thương binh liệt sĩ, tham gia các tổ kĩ thuật nông nghiệp... Ở lứa tuổi này các em thích làm công tác xã hội vì:

– Có sức lực, đã hiểu biết nhiều, muốn được mọi người thừa nhận mình là người lớn, muốn làm những công việc được mọi người biết đến, nhất là những công việc làm với người lớn.

– Cho rằng công tác xã hội là việc làm của người lớn và có ý nghĩa lớn lao. Do đó được làm các công việc xã hội là thể hiện mình đã là người lớn và muốn được thừa nhận mình là người lớn. Đó là một nhu cầu của các em, vì thế nhiều khi các em bỏ công việc gia đình, học tập để tích cực tham gia công việc ở ngoài xã hội.

– Hoạt động xã hội là hoạt động có tính chất tập thể. Ở lứa tuổi này, các em thích làm những công việc có tính chất tập thể, những công việc liên quan đến nhiều người và được nhiều người cùng tham gia.

Do tham gia hoạt động xã hội mà quan hệ của HS THCS được mở rộng, các em được tiếp xúc với nhiều người, nhiều vấn đề của xã hội, do đó tầm hiểu biết được mở rộng, kinh nghiệm cuộc sống phong phú lên, nhân cách của các em được phát triển.

Tóm lại, do có sự thay đổi điều kiện sống, điều kiện hoạt động của các em ở trong gia đình, nhà trường, xã hội mà vị trí của các em được nâng lên. Các em ý thức được sự thay đổi này và tích cực hoạt động cho phù hợp với sự thay đổi đó. Vì vậy, tâm lí, nhân cách của các em được hình thành và phát triển phong phú hơn ở các lứa tuổi trước.

### *3.2.2. Phân loại môi trường theo các mối quan hệ*

- Quan hệ với cha mẹ và người lớn ở gia đình

  Lênin đã phát triển những tư tưởng của các nhà nhân chủng học. Ông đã phân tích vị trí của thiếu niên trong xã hội hiện đại và thời kì xung đột từ trẻ con đến người lớn, từ đó xác nhận rằng trong xã hội tồn tại hai nhóm người: nhóm trẻ con và nhóm người lớn và cho rằng lứa tuổi HS THCS là trẻ con vận động từ nhóm trẻ con sang nhóm người lớn. Ở lứa tuổi này có sự mong muốn chuyển vào nhóm người lớn. Nhưng các em chưa được thừa nhận là người lớn vì các em ở giữa hai nhóm người này. Lênin cho rằng, mức độ khó khăn, xung đột ở lứa tuổi HS THCS phụ thuộc vào sự phân biệt gay gắt những nhóm trẻ con và những nhóm người lớn trong xã hội và thời kì này kéo dài hay ngắn phụ thuộc vào khi trẻ con còn ở giữa hai nhóm này.

  L.X. Vugôtxki khi nghiên cứu lứa tuổi HS THCS cũng đặt vấn đề cần thiết phải xem xét những tổ chức mới được hình thành trong nhân cách của lứa tuổi này và làm rõ hoàn cảnh xã hội của sự phát triển của nó. Hoàn cảnh xã hội trong mỗi lứa tuổi có một hệ thống quan hệ không lặp lại giữa trẻ con và môi trường. Sự cải tổ lại hệ thống quan hệ này tạo nên nội dung chính của cuộc "khủng hoảng" ở lứa tuổi HS THCS.

  HS THCS có nhu cầu mở rộng quan hệ với người lớn và mong muốn người lớn quan hệ với chúng một cách bình đẳng, không muốn người lớn coi chúng như trẻ con trước đây nữa.

  Kiểu quan hệ của người lớn với trẻ em trước đây (kiểu quan hệ không bình đẳng giữa người lớn và trẻ em) không còn thích hợp với lứa tuổi này. Vì thế, các em mong muốn cải tổ lại mối quan hệ này theo chiều hướng hạn chế quyền hạn của người lớn, mở rộng quyền hạn của mình. Các em mong muốn người lớn tôn trọng nhân cách, phẩm giá, tin tưởng và mở rộng tính độc lập cho các em.

Để duy trì sự thay đổi mối quan hệ giữa các em và người lớn, các em có những hình thức chống cự, không phục tùng, xem như là phương tiện để thay đổi kiểu quan hệ cũ bằng kiểu quan hệ mới. Sự nảy sinh ở lứa tuổi này cảm giác về sự trưởng thành là nhu cầu được người lớn thừa nhận là người lớn đã đưa đến vấn đề quyền hạn của người lớn và các em trong quan hệ với nhau.

Như vậy, việc chuyển tiếp từ kiểu quan hệ giữa người lớn với trẻ em (đặc thù cho lứa tuổi thơ ấu), sang kiểu quan hệ mới về chất (đặc thù cho sự giao tiếp của HS THCS với người lớn) tạo điều kiện phát triển mức độ trưởng thành ở lứa tuổi này. Tất nhiên việc chuyển tiếp này có thể diễn ra thuận lợi hoặc khó khăn; điều này phụ thuộc hoàn toàn vào sự hiểu biết của người lớn.

Tuy nhiên, không phải mọi người lớn đều nhận thức được nhu cầu cần thay đổi kiểu quan hệ với các em. Điều này mâu thuẫn với xu thế "vươn lên làm người lớn" của các em, với cảm giác trưởng thành của các em, hạn chế chuyển từ trẻ em sang người lớn, là nguyên nhân dẫn đến sự xung đột giữa các em với người lớn.

Nếu người lớn không chịu thay đổi quan hệ với các em thì các em sẽ trở thành người khởi xướng thay đổi mối quan hệ này. Nếu người lớn chống đối sẽ gây ra những phản ứng của các em dưới dạng bướng bỉnh, bất bình, không vâng lời... Nếu người lớn thấy sự phản đối của các em mà không suy xét về phía mình để thay đổi quan hệ thì sự xung đột giữa các em và người lớn còn kéo dài đến hết thời kì của lứa tuổi này.

Những quan hệ xung đột giữa các em và người lớn làm nảy sinh những hành vi tương ứng ở các em: xa lánh người lớn, không tin tưởng vào người lớn, cho rằng người lớn không hiểu và không chịu hiểu các em, khó chịu một cách có ý thức với những yêu cầu, những đánh giá, nhận xét của người lớn. Tác động giáo dục của người lớn đối với các em bị giảm sút.

Tính độc lập và quyền bình đẳng trong quan hệ của các em với người lớn là vấn đề phức tạp và gay gắt nhất trong sự giao tiếp của các em với người lớn nói riêng, trong việc giáo dục các em ở lứa tuổi này nói chung. Nhưng khó khăn đặc thù này có thể giải quyết nếu người lớn và các em xây dựng

được mối quan hệ bạn bè hoặc quan hệ có hình thức hợp tác trên cơ sở tôn trọng, tin tưởng giúp đỡ lẫn nhau. Sự hợp tác này cho phép người lớn đặt các em vào vị trí mới – vị trí của người giúp việc và người bạn trong những công việc khác nhau, còn bản thân người lớn trở thành người mẫu mực và người bạn tin cậy của các em

Tóm lại, sự phát triển những tư tưởng trong việc giải thích cuộc "khủng hoảng" ở lứa tuổi HS THCS đã được tích luỹ và khái quát lại. Theo đó, những biểu hiện và diễn biến của thời kì này được xác định bởi hoàn cảnh xã hội cụ thể của cuộc sống, bằng vị trí xã hội của các em trong thế giới người lớn.

- Quan hệ với bạn bè ở trường:

  Mối quan hệ của HS THCS với bạn bè cùng lứa tuổi phức tạp, đa dạng hơn nhiều so với HS tiểu học. Sự giao tiếp giữa các em đã vượt ra ngoài phạm vi học tập, phạm vi nhà trường, mở rộng ra trong những hứng thú mới, những việc làm mới, những quan hệ mới trong đời sống của các em. Các em có nhu cầu lớn trong giao tiếp với bạn bè vì một mặt, các em rất khao khát được giao tiếp và cùng hoạt động chung với nhau, các em có nguyện vọng được sống tập thể, có những bạn bè thân thiết, tin cậy; mặt khác cũng biểu hiện nguyện vọng không kém phần quan trọng là được bạn bè công nhận, thừa nhận, tôn trọng mình.

  HS THCS coi quan hệ bạn bè cùng tuổi là quan hệ riêng của những cá nhân. Các em cho rằng các em có quyền hành động độc lập trong quan hệ này và bảo vệ quyền đó của mình. Nếu có sự can thiệp thô bạo của người lớn khiến các em cảm thấy bị xúc phạm thì các em chống đối lại. Nếu như quan hệ của các em với người lớn cũng không thuận hoà thì sự giao tiếp với bạn bè cùng lứa tuổi càng tăng và ảnh hưởng của bạn bè đến với các em càng mạnh mẽ.

  Sự bất hoà trong quan hệ bạn bè cùng lớp, sự thiếu thốn bạn thân hoặc tình cảm bị phá vỡ đều sinh ra những cảm xúc nặng nề, được xem như là bi kịch của cá nhân. Tình huống khó chịu nhất đối với các em là sự phê bình thẳng thắn của tập thể, của bạn bè; còn hình phạt nặng nề nhất đối với các em là bị bạn bè tẩy chay, không muốn chơi với mình.

– HS tiểu học khi kết bạn thường căn cứ nhiều vào sức học, hành vi, tính tích cực xã hội của các bạn, tức là vào việc bạn mình thực hiện những yêu cầu của người lớn như thế nào. Đối với HS THCS, điều quan trọng để kết bạn là những phẩm chất về tình bạn. "Bộ luật tình bạn" đối với các em bao gồm những chuẩn mực quan trọng nhất là sự tôn trọng lẫn nhau, quan hệ bình đẳng và giúp đỡ lẫn nhau, lòng trung thành, tính trung thực... Đó là cơ sở để HS THCS giao tiếp và kết bạn với nhau.

– *Tình bạn trong đời sống của HS THCS*: Các em ở lứa tuổi này thích giao tiếp và kết bạn với nhau. Nhưng không phải mọi em ở trong lớp đều được các em yêu thích, giao tiếp như nhau. Các em chỉ kết bạn với những em được mọi người tôn trọng, có uy tín và tiến bộ rõ rệt về một mặt nào đó. Lúc đầu, phạm vi giao tiếp của các em thường rộng, nhưng không được bền vững, có tính chất tạm thời. Đó là thời kì lựa chọn, tìm kiếm người bạn thân. Về sau, những em có cùng hứng thú, cùng yêu thích một loại hoạt động nào đó thì gắn bó với nhau, thích giao tiếp, trò chuyện với nhau. Phạm vi giao tiếp của các em hẹp lại, nhưng quan hệ giữa các em gắn bó với nhau hơn. Trong giao tiếp, các em chịu ảnh hưởng của nhau. Nhiều em lúc đầu không ưa thích loại hoạt động nào đó, nhưng vì chơi với bạn, bạn hứng thú về loại hoạt động đó mà làm lây sang em. Vì vậy, giao tiếp với bạn là nguồn nảy sinh hứng thú mới.

  Những ưu điểm của bạn mà các em yêu thích đã làm cho các em phải suy nghĩ về mình một cách nghiêm túc, mong muốn mình cũng có những mặt ưu điểm như bạn. Do đó, bạn bè có thể trở thành hình mẫu đối với các em.

  Trong quan hệ giao tiếp của lứa tuổi này, trò chuyện giữ một vị trí có ý nghĩa đối với các em. Trong khi chuyện trò, các em kể cho nhau về mọi mặt sinh hoạt, đời sống và suy nghĩ của mình. Các em có thể nói với nhau cả những chuyện, những điều "bí mật" mà nhiều khi các em không kể với ai, kể cả với người thân trong gia đình. Vì thế mà các em yêu cầu rất cao đối với bạn bè. Các em hiểu đã là bạn bè của nhau thì phải cởi mở, hiểu nhau, tế nhị, vị tha, đồng cảm và giữ bí mật cho nhau.

  Lí tưởng tình bạn của lứa tuổi này là "sống chết có nhau, chia ngọt sẻ bùi". Điều đó không chỉ là sự tuân theo một cách nghiêm ngặt "bộ luật tình bạn",

mà còn là vấn đề người này thâm nhập vào mọi mặt đời sống của người kia, cùng nhau hợp tác hành động. Càng lớn lên, sự thâm nhập về tâm hồn giữa các em càng được nảy nở, phát triển. Đó là sự giống nhau về đời sống nội tâm, là sự hiểu biết nhau, sự trùng hợp về những giá trị của cá nhân, về những hoài bão, về quan điểm trong cuộc sống.

Sự hình thành tình bạn như thế thường đi kèm theo những cuộc thảo luận, tranh luận với nhau về những vấn đề: cuộc sống, đạo đức, thẩm mĩ... Trong quá trình tranh luận sẽ hình thành những quan niệm mà các em ý thức được đó là những quan niệm riêng, nghĩa là niềm tin ở các em bắt đầu được hình thành.

Ở lứa tuổi này xuất hiện môi trường bạn bè cùng tuổi. Đây là yếu tố rất đáng quan tâm trong sự tác động mạnh của yếu tố môi trường xã hội đến trẻ em. Việc hình thành môi trường bạn bè cùng tuổi là tất yếu của trẻ em, nhưng kiểm soát các mối quan hệ đó là nhiệm vụ của người lớn, trong đó vai trò của cha mẹ là yếu tố quyết định. Khi quan tâm đến chất lượng của các mối quan hệ này, thông thường các tiêu chí cơ bản sau đây thường được các bậc cha mẹ xem xét: tiêu chí bạn cùng học, cùng lớp, khối, trình độ và kết quả học tập tương đương của cả nhóm; tiêu chí xã hội thể hiện cùng sở thích như vui chơi, dã ngoại, tham gia các hoạt động văn nghệ, thể thao...; tiêu chí cùng khu phố, cùng khu dân cư cũng là tiêu chí đáng quan tâm khi xem xét các mối quan hệ của trẻ em. Trong điều kiện hiện nay, việc kiểm soát hết các quan hệ của trẻ em trong các phạm vi môi trường có ý nghĩa quan trọng trong công tác giáo dục.

Tóm lại, sự giao tiếp ở lứa tuổi HS THCS là một loại hoạt động đặc biệt, mà đối tượng của hoạt động này là người khác – người bạn. Nội dung của hoạt động này là sự xây dựng những quan hệ qua lại và những hành động trong quan hệ đó. Nhờ hoạt động giao tiếp mà các em nhận thức được người khác và bản thân mình; đồng thời qua đó làm phát triển một số kĩ năng như kĩ năng so sánh, phân tích, khái quát hành vi của bản thân và của bạn, làm phong phú thêm những biểu tượng về nhân cách của bạn và của bản thân.

Đó chính là ý nghĩa to lớn của sự giao tiếp ở lứa tuổi này với sự hình thành và phát triển nhân cách. Vì thế, những người làm công tác giáo

dục phải tạo điều kiện để các em giao tiếp với nhau, hướng dẫn và kiểm tra mối quan hệ của các em, tránh tình trạng ngăn cấm, hạn chế sự giao tiếp của lứa tuổi này...

– Một số đặc điểm về quan hệ giữa các em trai và các em gái ở lứa tuổi này: Quan hệ giữa các em trai và các em gái ở lứa tuổi này có sự thay đổi cơ bản so với lứa tuổi trước. Thời kì này ta thấy các em đã bắt đầu biểu hiện sự quan tâm lẫn nhau, ưa thích nhau và do đó quan tâm đến vẻ bề ngoài của mình.

Lúc đầu sự quan tâm tới giới khác ở các em nam còn có tính chất tản mạn và biểu hiện bằng phương thức đặc thù của trẻ con, như xô đẩy, trêu trọc các em gái... Các em gái nhiều khi rất bực, không hài lòng về những hành vi như thế của các em trai, song động cơ của những hành vi đó, các em gái ý thức được và không bực tức, giận dỗi các em trai.

Về sau, những quan hệ này thay đổi, mất tính trực tiếp, xuất hiện sự ngượng ngùng, nhút nhát, e thẹn. Ở một số em điều đó được bộc lộ trực tiếp, còn số khác thì được che giấu bằng thái độ thờ ơ giả tạo, "khinh bỉ" đối với người khác giới. Hành vi này mang tính chất hai mặt: sự quan tâm đến nhau cùng tồn tại với sự phân biệt nam nữ.

Có nhiều em HS lớp 8 và lớp 9, đặc biệt là các em gái, hay để ý đến vấn đề ai yêu ai. Mặc dù điều này các em rất bí mật, nếu có kể cho ai biết thì đó chỉ là những người bạn thật tin cậy, thân thiết. Nhưng không hiểu sao các em khác lại biết được. Điều đó chứng tỏ các em theo dõi, quan sát nhau, để ý đến nhau thường xuyên.

Ở HS các lớp 6 và lớp 7, tình bạn giữa nam và nữ ít nảy sinh, nhưng ở các HS lớp 8 và lớp 9 thì nảy sinh thường xuyên hơn, sự gắn bó giữa hai bên rất thắm thiết và nó giữ một vị trí lớn trong cuộc sống của các em. Ở các lớp này đã xuất hiện các nhóm hỗn hợp (cả nam lẫn nữ vào một nhóm bạn). Hứng thú đối với người bạn cùng học khác giới có ý nghĩa không nhỏ đối với sự phát triển nhân cách của các em. Mối cảm tình, thân thiện đã động viên nhau, gợi ý cho nhau, kích thích nhau làm điều tốt, giúp nhau, bảo vệ lẫn nhau. Đây là một động lực tự hoàn thiện bản thân của từng em.

Tất nhiên trong quan hệ nam nữ ở lứa tuổi này cũng có thể có sự lệch lạc. Quan niệm về bạn khác giới không đúng mực đi đến chỗ đua đòi chơi bời, bỏ việc học tập và những công việc khác. Vì thế, những người làm công tác giáo dục phải thấy được điều đó, để hướng dẫn, uốn nắn cho tình bạn giữa các em nam và nữ ở lứa tuổi này thật lành mạnh, trong sáng. Nó là động lực để giúp các em trong học tập, trong tu dưỡng.

### 3.3. TRẢ LỜI CÂU HỎI

**Câu 1:** Anh (chị) hãy phân tích ý nghĩa của các loại môi trường được phân loại theo địa bàn.

**Câu 2:** Anh (chị) hãy phân loại môi trường giáo dục theo các mối quan hệ. Ý nghĩa của các loại môi trường đó?

### 3.4. CHIA SẺ VỚI ĐỒNG NGHIỆP, TỔ CHUYÊN MÔN

## Nội dung 4

### ẢNH HƯỞNG CỦA MÔI TRƯỜNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP CỦA HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ

### 4.1. MỤC TIÊU

Giúp GV hiểu được ảnh hưởng của môi trường học tập đến hoạt động học tập của HS. Từ đó có những hướng tác động hợp lí nhằm góp phần hình thành và phát triển nhân cách cho người học.

### 4.2. THÔNG TIN CƠ BẢN

#### *4.2.1. Ảnh hưởng của môi trường đến mục đích, động cơ học tập*

Môi trường học tập ảnh hưởng không nhỏ tới mục đích, động cơ học tập. Mục đích của hành động hoàn toàn không phải do con người nghĩ ra một cách chủ quan mà nó được hình thành dần trong quá trình diễn ra hành động. Mục đích thực sự chỉ có thể có khi chủ thể bắt đầu hành động.

Mục đích học chỉ được hình thành khi chủ thể bắt đầu học tập. Thông qua học tập, người học chiếm lĩnh được tri thức, kĩ năng, kĩ xảo bộ phận (những khái niệm của từng bài học, từng tiết học) – đây là mục đích bộ phận. Trên cơ sở chiếm lĩnh những tri thức, kĩ năng, kĩ xảo bộ phận mà

chiếm lĩnh được toàn bộ những tri thức, kĩ năng, kĩ xảo hệ thống (những khái niệm của môn học) – đây là mục đích môn học. Mỗi tri thức, kĩ năng, kĩ xảo bộ phận được chủ thể tiếp thu và làm chủ lại trở thành phương tiện cho việc hình thành mục đích bộ phận tiếp theo. Cứ như vậy, mục đích học sẽ được hình thành trong quá trình thực hiện một hệ thống các hành động học trong một môi trường nhất định.

Động cơ của hoạt động học không có sẵn mà hiện thân ở đối tượng của hoạt động học (đó là những tri thức, kĩ năng, kĩ xảo... ) mà người học cần chiếm lĩnh để hình thành và phát triển nhân cách.

Có hai loại động cơ học là: động cơ hoàn thiện tri thức và động cơ quan hệ xã hội.

– Động cơ hoàn thiện tri thức:

Trong quá trình học tập, học để mở rộng tri thức, mở rộng vốn hiểu biết là động cơ thúc đẩy người học tích cực học tập nhằm lĩnh hội tri thức, kĩ năng, kĩ xảo. Trong trường hợp này, nguyện vọng hoàn thiện tri thức hiện thân ở đối tượng của hoạt động học.

Đây là động cơ bên trong của hoạt động học vì những yếu tố kích thích người học xuất phát từ mục đích học, từ nhu cầu, hứng thú nhận thức của người học. Người học mong muốn hiểu biết những điều mới lạ, mở rộng tri thức và họ thấy thoải mái, không căng thẳng, mệt mỏi khi học.

– Động cơ quan hệ xã hội:

Trong quá trình học tập, người học say sưa học ngoài sự hấp dẫn, lôi cuốn của tri thức còn vì các quan hệ xã hội (học để phục vụ xã hội, học để hài lòng cha mẹ). Trong trường hợp này, những mối quan hệ xã hội của cá nhân được hiện thân ở đối tượng của hoạt động học. Khi hoạt động học được thúc đẩy bởi động cơ quan hệ xã hội thì ở một mức độ nào đấy nó mang tính chất cưỡng bức, có lúc xuất hiện như là vật cản trên con đường đạt mục đích. Vì vậy, người học cảm thấy căng thẳng, mệt mỏi và có khi xuất hiện xung đột gay gắt.

Hai loại động cơ nói trên cùng diễn ra trong quá trình học tập, nó làm thành một hệ thống động cơ thúc đẩy người học học tập. Trong thực tế, có những HS học tập với sự nỗ lực như nhau, kết quả đạt được như nhau

nhưng động cơ có thể rất khác nhau: có người học là do muốn nâng cao trình độ hiểu biết, muốn có sự phát triển ngày càng cao; có người học là do để được khen, để bố mẹ vui lòng hoặc đó là con đường tiến thân.

Động cơ của hoạt động học không có sẵn, nó được hình thành trong chính quá trình học tập dưới sự tác động của nhiều yếu tố: *yếu tố chủ quan* (nhu cầu, hứng thú, tình cảm, thái độ... của người học) và *yếu tố khách quan* (cha mẹ, thầy cô giáo, bạn bè... ).

### 4.2.2. Ảnh hưởng của môi trường đến phương pháp học tập

Việc học tập ở trường THCS là một bước ngoặt quan trọng trong đời sống của trẻ. Ở các lớp dưới, trẻ học tập các hệ thống các sự kiện và hiện tượng, hiểu những mối quan hệ cụ thể và đơn giản giữa các sự kiện và hiện tượng đó. Ở trường THCS, việc học tập của các em phức tạp hơn. Các em chuyển sang nghiên cứu có hệ thống những cơ sở của các khoa học, các em học nhiều môn học hơn... Mỗi môn học gồm những khái niệm, những quy luật được sắp xếp thành một hệ thống tương đối sâu sắc. Điều đó đòi hỏi các em phải tự giác và độc lập cao. Ở đa số thiếu niên, nội dung khái niệm "học tập" đã được mở rộng ; ở nhiều em đã có yếu tố tự học, có hứng thú bền vững đối với môn học, say mê học tập. Tuy nhiên, tính tò mò, ham hiểu biết nhiều có thể khiến hứng thú của các em bị phân tán và không bền vững, có thể hình thành thái độ dễ dãi, không nghiêm túc đối với các lĩnh vực khác trong cuộc sống. Vì vậy, môi trường và phương pháp học tập có mối quan hệ tác động qua lại với nhau. Môi trường là điều kiện để người học sử dụng những phương pháp học tập thích hợp. Môi trường nhóm lớp, phương pháp giảng dạy của GV, quan hệ ứng xử của GV đối với HS là yếu tố ảnh hưởng trực tiếp tới phương pháp học tập của HS THCS. Quá trình dạy học đòi hỏi GV và HS cần nỗ lực tìm ra các giải pháp để dạy và học đạt hiệu quả ngày càng cao, trong đó, việc GV vận dụng phương pháp dạy học phù hợp với nhu cầu, trình độ và các đặc điểm tâm lí khác của lứa tuổi HS THCS được coi là một giải pháp tốt nhất. Các phương pháp dạy học khác nhau phát triển những kĩ năng và những phẩm chất khác nhau của HS. Phương pháp dạy học đa dạng làm cho bài giảng của GV trở nên thú vị và HS cảm thấy hứng khởi hơn trong giờ học. Để xây dựng một môi trường học tập thân thiện nhằm khai thác mặt giá trị và cảm xúc của HS trong quá trình học

tập thì các mối quan hệ trong dạy học có vai trò quyết định. Quan hệ giữa GV với HS, giữa cá nhân HS với nhau, giữa cá nhân với nhóm, giữa nhóm và cả lớp được phát triển theo xu hướng tăng cường sự tương tác, hợp tác và cạnh tranh, tham gia và chia sẻ. Đây là môi trường học tập giúp HS THCS không ngừng tự hoàn thiện nhân cách và cải thiện kết quả học tập cá nhân.

Thực tế dạy học đã chứng minh rằng, nếu quan hệ giữa người dạy và người học đạt được trong điều kiện tốt đẹp, quan hệ ảnh hưởng sư phạm, dân chủ thì sẽ trở thành yếu tố thúc đẩy hoạt động dạy học diễn ra thuận lợi. Cụ thể: Khi GV say mê giảng dạy, có trách nhiệm cao với HS, gợi mở và dẫn đường cho HS, tạo cơ hội bình đẳng cho tất cả mọi HS… thì hứng thú học tập của HS được nâng cao rõ rệt, tạo nên một môi trường học tập tốt.

Quan hệ thầy trò tốt đẹp được dựa trên sự tôn trọng lẫn nhau. HS tôn trọng GV bởi kĩ năng giảng dạy, phẩm chất cá nhân, kiến thức và trình độ chuyên môn; GV tôn trọng HS vì mỗi HS là một nhân cách với những nỗ lực học tập. Mỗi GV phải thấy rằng, sự tôn trọng mỗi cá nhân HS không phải là tôn trọng một cách chung chung đối với cả lớp mà phải được biểu lộ thông qua thái độ, tình cảm và hành vi cụ thể với HS mà HS có thể cảm nhận được.

GV không nên phân biệt đối xử mà phải làm cho tất cả mọi HS đều được chấp nhận một cách tích cực và bình đẳng, những nỗ lực học tập của các em phải được nhìn nhận và đánh giá không thiên vị. Những HS có năng lực và chăm chỉ cần được động viên phát huy, những HS nhút nhát cần được giúp đỡ nhiều hơn để tất cả mọi HS đều nhận được sự công bằng từ phía GV. Đối với HS nam hay HS nữ, GV có thể có thái độ đối xử khác nhau do đặc điểm tâm lí giới nhưng cố gắng tạo cơ hội bình đẳng cho mọi HS.

Mối quan hệ tốt đẹp giữa GV với HS được biểu hiện cụ thể thông qua thái độ, cử chỉ, điệu bộ, ngôn ngữ của GV trong quá trình dạy học. HS sẽ cảm thấy tự tin hơn khi GV tươi cười hay có lời khen để động viên HS học tập; nó có thể thay đổi một trường hợp được coi là tiêu cực trở thành tích cực. GV cần tỏ ra hài lòng khi HS thành công trong học tập; nhiệt tình hướng dẫn và giải đáp thắc mắc cho HS; động viên các em bày tỏ nhu cầu, nguyện vọng học tập và biết giúp đỡ, chia sẻ kinh nghiệm học tập với

bạn; nhận xét và đánh giá kết quả học tập đảm bảo sự công bằng… tạo cho HS có động lực để phấn đấu dành kết quả cao trong học tập, tìm tòi phương pháp học tập hiệu quả.

Như vậy, GV là người chủ động tạo ra và điều khiển mối quan hệ giữa thầy và trò, dùng ảnh hưởng của mối quan hệ đó để xây dựng các mối quan hệ tốt đẹp giữa cá nhân với cá nhân HS, giữa cá nhân với nhóm và giữa các nhóm với cả lớp.

Trong các giờ lên lớp hay hoạt động tập thể, GV cần quan tâm đến hoạt động của cá nhân với cá nhân, cá nhân với nhóm HS nhằm tạo ra mối quan hệ chia sẻ, cộng đồng hợp tác giữa HS với HS trong môi trường nhóm lớp; giúp HS có cơ hội bày tỏ kiến thức, kĩ năng, thái độ trong môi trường nhóm lớp.

*4.2.3. Ảnh hưởng của môi trường đến kết quả học tập*

Môi trường học tập của HS THCS có sự tham gia của nhiều nhân tố: GV, người học, gia đình, cơ sở vật chất, yếu tố quản lí của nhà trường. GV là người quyết định sự hợp tác gắn bó giữa thầy và trò, giữa trò và trò, là nhân tố quyết định chất lượng giáo dục học tập ở HS. Hình thức bên ngoài, đời sống nội tâm, phương pháp dạy học, kĩ năng giao tiếp, phong cách sống… của GV có tác động mạnh mẽ đến tâm lí HS. Khi bài giảng của GV được HS hưởng ứng, ủng hộ có nghĩa là GV đang ảnh hưởng tích cực đến môi trường học tập của HS. Năng lực sư phạm, trình độ chuyên môn của GV, quan hệ ứng xử của GV đối với HS là yếu tố quyết định chất lượng dạy học, là nhân tố tạo nên kết quả học tập ở người học.

– HS và tính tích cực học tập trong môi trường nhóm lớp: Tất cả mọi hoạt động trong các nhà trường đều nhằm mục đích phát triển người học, người học được coi là yếu tố trung tâm. Việc xây dựng môi trường học tập cho HS THCS cũng dựa vào HS và hoạt động của HS để khai thác mặt giá trị và cảm xúc trong học tập và giao tiếp. Vì vậy, cần thiết phải tạo ra môi trường học tập tự giác, tích cực, chủ động của HS trong hoạt động nhóm lớp nhằm góp phần nâng cao kết quả học tập. Chính thành tích học tập của lớp, của nhóm sẽ góp phần thúc đẩy thành tích học tập của mỗi cá nhân HS trong nhóm, lớp.

– Cán bộ quản lí: Nhận thức và hành động của cán bộ quản lí là "cốt lõi" để tạo nên sự thân thiện giữa các thành viên trong nhà trường. Trong mọi quan hệ, người cán bộ quản lí phải dân chủ, minh bạch, công khai. Giữa cán bộ quản lí, GV, HS phải thực sự tôn trọng lẫn nhau, quan hệ chia sẻ, cộng đồng trách nhiệm. Không thể có môi trường học tập tốt nếu trong nhà trường các mối quan hệ thiếu dân chủ, bất bình đẳng; hiệu trưởng thiếu tôn trọng GV, GV không đồng tình với hiệu trưởng hoặc người trên quyền luôn luôn tạo áp lực với nhân viên dưới quyền… Hình ảnh các thầy là hình ảnh lí tưởng mà các thế hệ học trò học tập và làm theo. Chính tấm gương lao động của các thầy, cô là bài học cho lớp lớp thế hệ HS, góp phần tạo nên thành tích của nhà trường.

– Cơ sở vật chất: Môi trường học tập của HS giới hạn trong một không gian nhất định, đó là trường học. Mọi hoạt động của HS diễn ra trong phạm vi không gian lớp học với các yếu tố: bàn ghế, ánh sáng, âm thanh cùng với các phương tiện phục vụ dạy và học, các thiết bị thực hành… Mỗi trường THCS đều có sự khác nhau nhất định về cơ sở vật chất tuỳ vào nguồn lực kinh tế của nhà trường và địa phương. Nhìn chung, các nhà trường THCS hiện nay đều phải hướng tới tiêu chuẩn tối thiểu về điều kiện cơ sở, vật chất, đó là điều kiện cần và đủ để nâng cao chất lượng và đảm bảo chất lượng. Một môi trường học tập tốt trước hết phải đảm bảo các điều kiện cơ sở vật chất tối thiểu. Ngược lại, cơ sở vật chất thiếu thốn sẽ gây ra khó khăn về mọi mặt cho hoạt động học tập của HS, làm giảm sút kết quả học tập của HS.

  Môi trường giáo dục là tập hợp không gian với các hoạt động xã hội của cá nhân, các phương tiện và giao lưu được phối hợp với nhau tạo điều kiện thuận lợi để giáo dục đạt kết quả cao nhất. Nhiệm vụ chăm lo sự nghiệp giáo dục, xây dựng phong trào học tập và phát triển môi trường giáo dục lành mạnh đã trở thành chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước, đã được xác định trong Luật Giáo dục để mọi cá nhân và tổ chức phải thực hiện. Do đó, việc xác định nhiệm vụ xây dựng và phát triển môi trường học tập cho thế hệ trẻ là trọng tâm trong ngành Giáo dục, nhưng để hoàn thành được nhiệm vụ quan trọng này đòi hỏi phải có sự quan tâm của toàn xã hội. Xác định mục tiêu chung của giáo dục là phát triển

toàn diện nhân cách thế hệ trẻ, để giáo dục được một con người trưởng thành là một việc làm rất khó và vĩ đại. Những nỗi đau về con em chúng ta hư hỏng, đang bị tấn công và huỷ hoại dần bởi ma túy, bởi các tệ nạn xã hội... đang là vấn đề cấp bách phải quyết tâm giải quyết. Do bản chất nhân văn của giáo dục, cùng với đạo lí và lẽ sống tình người đang thôi thúc chúng ta phải góp một viên gạch vào việc xây dựng một môi trường học tập lành mạnh, tích cực. Đồng thời, cũng cần thiết phải phân biệt rõ các khái niệm môi trường và môi trường giáo dục là hai phạm trù khác nhau về đối tượng tiếp cận và nội dung nghiên cứu. Tuy nhiên, có điểm chung là đều nghiên cứu sự tác động của con người với môi trường xung quanh và ngược lại. Ở phạm vi môi trường giáo dục, chủ yếu đề cập đến quan hệ giữa con người với con người trong một phạm vi hẹp hơn.

### 4.3. TRẢ LỜI CÂU HỎI

**Câu 1:** Anh (chị) hãy phân tích ảnh hưởng của môi trường học tập đến hoạt động học tập của HS THCS.

**Câu 2:** Anh (chị) hãy phân biệt môi trường và môi trường giáo dục.

### 4.4. CHIA SẺ VỚI ĐỒNG NGHIỆP, TỔ CHUYÊN MÔN

## Nội dung 5

**MỘT SỐ BIỆN PHÁP XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG GIÁO DỤC**

### 5.1. MỤC TIÊU

Giúp GV làm quen với một số biện pháp xây dựng môi trường giáo dục. Trên cơ sở đó giúp GV có biện pháp, kĩ năng phát triển môi trường học tập cho HS nhằm nâng cao chất lượng giáo dục.

### 5.2. THÔNG TIN CƠ BẢN

#### *5.2.1. Phối hợp giữa gia đình, nhà trường và xã hội để giáo dục HS*

- Nội dung phối hợp:

  Việc liên kết, phối hợp giữa môi trường giáo dục gia đình, nhà trường và các tổ chức xã hội nhằm thực hiện mục đích phát triển nhân cách công

dân được coi là một nguyên tắc quan trọng. Việc liên kết, phối hợp chặt chẽ giữa ba môi trường giáo dục nhằm đảm bảo sự thống nhất về nhận thức cũng như cách thức hành động để hiện thực hoá mục tiêu quá trình phát triển nhân cách; tránh sự tách rời, mâu thuẫn, vô hiệu hoá lẫn nhau gây nên tâm trạng nghi ngờ, hoang mang, dao động đối với cá nhân trong việc lựa chọn, tiếp thu các giá trị tốt đẹp.

Gia đình, nhà trường và các tổ chức xã hội liên kết, phối hợp thống nhất mục đích, mục tiêu giáo dục thể hiện ở những nội dung cơ bản nhằm phát triển toàn diện các mặt đức, trí, thể, mĩ, lao động... Mỗi môi trường đều có một ưu thế trong việc thực hiện các nội dung giáo dục. Gia đình có ưu thế đối với việc giáo dục định hướng nghề nghiệp, rèn luyện kĩ năng, kĩ xảo, thói quen lao động chân tay, quan hệ ứng xử... Nhà trường có ưu thế trong việc giáo dục toàn diện, đặc biệt là tri thức văn hoá; các chuẩn mực đạo đức, ý thức công dân... bằng các phương pháp, phương tiện hiện đại nhằm thúc đẩy nhanh quá trình phát triển nhân cách. Các đoàn thể xã hội bằng các hình thức tổ chức hoạt động xã hội ngoài giờ lên lớp giúp các em mở rộng kiến thức, gắn tri thức với thực tiễn, chủ trương, chính sách chung của Nhà nước, của địa phương về các lĩnh vực trong đời sống xã hội.

Việc liên kết, phối hợp các môi trường giáo dục gia đình, nhà trường và các tổ chức xã hội diễn ra dưới nhiều hình thức. Vấn đề cơ bản, quan trọng hàng đầu là các lực lượng giáo dục đó phải phát huy tinh thần trách nhiệm, chủ động tìm ra các hình thức, giải pháp, tạo ra mối liên kết, phối hợp vì mục đích giáo dục, đào tạo thế hệ trẻ thành những công dân hữu ích của đất nước. Do đó, không thể coi đây là trách nhiệm riêng của lực lượng nào. Tuy nhiên, gia đình và nhà trường có trọng trách lớn hơn, bởi vì trẻ em là con cái của gia đình, là HS của nhà trường trước khi trở thành công dân xã hội.

Liên kết, phối hợp giáo dục giữa gia đình, nhà trường và xã hội nhằm thực hiện những nội dung chủ yếu sau:

– Thống nhất mục đích, kế hoạch chăm sóc, giáo dục HS của tập thể sư phạm nhà trường với phụ huynh, với các đoàn thể, cơ sở sản xuất, các cơ quan văn hoá, giáo dục ngoài nhà trường.

– Theo dõi, đánh giá kết quả quá trình giáo dục HS trong nhà trường và ở địa phương nhằm không ngừng nâng cao hiệu quả giáo dục.

– Gia đình phải tạo môi trường thuận lợi cho việc phát triển toàn diện về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mĩ cho trẻ em; người lớn có trách nhiệm giáo dục, làm gương cho con em, cùng nhà trường nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục.

– Đẩy mạnh sự nghiệp xã hội hoá giáo dục nhằm tạo ra động lực mạnh mẽ cũng như điều kiện thuận lợi cho hệ thống nhà trường thực hiện tốt mục tiêu giáo dục đào tạo ở tất cả các cấp học.

• Những yêu cầu để thực hiện tốt việc phối hợp:

a) Đối với gia đình

– Hoạt động tích cực trong tổ chức hội phụ huynh nhà trường nhằm góp phần xây dựng cơ sở vật chất, tinh thần, thực hiện sự nghiệp xã hội hoá giáo dục, tạo điều kiện thuận lợi cho nhà trường nâng cao chất lượng giáo dưỡng và giáo dục. Những cuộc họp phụ huynh HS được tổ chức theo khối, theo lớp do GV chủ nhiệm hoặc ban liên lạc phụ huynh tổ chức đầu năm học hoặc từng học kì... yêu cầu các bậc cha mẹ cần đi đầy đủ để nắm vững mục đích, yêu cầu, nội dung, phương pháp giáo dục HS, tạo sự thống nhất giữa nhà trường với gia đình trong quá trình giáo dục HS.

– Duy trì thường xuyên, đều đặn mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình bằng sổ liên lạc, phiếu đánh giá, điện thoại để gia đình biết được kết quả học tập, rèn luyện và những ưu – nhược điểm của con em mình. Ngược lại, nhà trường cũng nắm bắt được tình hình học tập, sinh hoạt của HS ngoài giờ lên lớp. Tất cả những nhận xét, đánh giá về phía nhà trường cũng như gia đình cần chính xác, thận trọng, nhấn mạnh đến ưu điểm, tiến bộ là chủ yếu, không nên chỉ tập trung nhấn mạnh vào những nhược điểm, yếu kém. Nếu trẻ có những sai phạm nghiêm trọng thì các bậc cha mẹ và nhà trường cần gặp nhau trực tiếp nhằm tìm đúng nguyên nhân và các biện pháp giáo dục phù hợp. Cha mẹ không nên che giấu những nhược điểm của con cái trong học tập, sinh hoạt ở gia đình, địa phương đối với nhà trường, dẫn đến những hiện tượng một số em ở trường được khen thưởng là HS giỏi, tiên tiến nhưng ở địa phương và gia đình còn yếu kém

về nhiều mặt. Gia đình cũng phát huy truyền thống "tôn sư trọng đạo", bảo vệ uy tín, danh dự cho thầy cô giáo, tránh những lời nói, thái độ, hành vi coi thường thầy cô giáo trước mặt các em.

– Vì mục đích giáo dục nên các bậc cha mẹ cần mạnh dạn thẳng thắn liên lạc, phối hợp với các cơ quan, đoàn thể, tổ chức ở mỗi địa phương, kể cả những cơ quan bảo vệ pháp luật như công an, chính quyền địa phương nếu thấy cần thiết để uốn nắn, ngăn chặn kịp thời những biểu hiện xấu, lệch lạc có thể phát triển đối với con em mình.

b) Đối với nhà trường

– Cần phát huy vai trò trung tâm trong việc liên lạc, phối hợp giáo dục. Nhà trường chủ động phổ biến nội dung, mục đích giáo dục đến các tổ chức xã hội của địa phương như Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ... nhằm định hướng tác động thống nhất đối với quá trình hình thành và phát triển nhân cách của trẻ.

– Thực hiện vai trò là trung tâm văn hoá, giáo dục của địa phương, nhà trường cần tổ chức tuyên truyền phổ biến các tri thức khoa học kĩ thuật, công nghệ, văn hoá, xã hội,... những kiến thức về phương pháp, biện pháp giáo dục có hiệu quả tránh được những sai lầm, lệch lạc đối với quá trình phát triển nhân cách của trẻ, đặc biệt trong cơ chế thị trường có không ít những tác động xấu ảnh hưởng đến thế hệ trẻ.

– Nhà trường cần phối hợp với chính quyền địa phương tổ chức cho các em tham gia tích cực vào các hoạt động văn hoá, xã hội như: bảo vệ môi trường, đền ơn đáp nghĩa, bài trừ ma tuý, dân số – kế hoạch hoá gia đình... nhằm góp phần cải tạo môi trường ngày càng tốt đẹp, lành mạnh đối với quá trình hình thành, phát triển nhân cách của trẻ.

– Giúp địa phương theo dõi, đánh giá kết quả của quá trình giáo dục thanh thiếu niên, phân tích nguyên nhân, đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả của sự liên kết, phối hợp chặt chẽ giữa các môi trường và khai thác vai trò, ưu thế đặc biệt của giáo dục gia đình.

– Xây dựng, củng cố Hội Phụ huynh HS, ban giáo dục địa phương tạo nên sức mạnh tổng hợp, đồng bộ, hướng vào mục tiêu giáo dục thế hệ trẻ một cách thường xuyên, có tổ chức, có kế hoạch.

c) Với các tổ chức xã hội

– Tiềm năng giáo dục của lực lượng xã hội như các cơ quan đoàn thể, các hội quần chúng, các cơ sở sản xuất, các đơn vị quân đội... là vô cùng to lớn, được thể hiện trong tất cả các lĩnh vực tư tưởng chính trị – đạo đức, khoa học– kĩ thuật, văn hoá– nghệ thuật, thể dục– thể thao, nghề nghiệp... dưới hình thức kết nghĩa với nhà trường hoặc đỡ đầu nhà trường xây dựng cơ sở vật chất – kĩ thuật hoặc giúp các lớp HS tham quan, học tập, giao lưu, tiếp xúc với việc thật, người thật điển hình, gương mẫu trong xã hội để hoàn thiện cá nhân. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định "Nếu nhà trường dạy tốt mà gia đình ngược lại, sẽ có ảnh hưởng không tốt đến trẻ và kết quả cũng không tốt. Cho nên muốn giáo dục các cháu thành người tốt, nhà trường, gia đình, đoàn thể xã hội đều phải kết hợp chặt chẽ với nhau".

  Chính quyền các cấp động viên tất cả mọi lực lượng, mọi tầng lớp xây dựng thực hiện nếp sống văn minh, thực hiện các phong trào "ông bà, cha mẹ mẫu mực, con cháu hiếu thảo", "Gia đình văn hoá", xây dựng "Thôn xóm không có người nghiện hút"..., kiên quyết đẩy lùi, xoá bỏ các tàn dư lạc hậu, các nguyên nhân gây ra những tệ nạn xã hội. Người lớn cần gương mẫu trong mọi lĩnh vực của cuộc sống để thế hệ trẻ noi theo.

• Xây dựng cơ sở vật chất, cảnh quan nhà trường:

  Cơ sở vật chất và cảnh quan nhà trường có tác động mạnh đến cảm xúc, hình thành ấn tượng và niềm tự hào đối với HS. Một môi trường xanh, sạch, đẹp với điều kiên cơ sở vật chất được đảm bảo tạo cho HS cảm giác tự tin, vui tươi khi đến trường, hình thành nên hưng phấn tích cực đối với mọi hoạt động. Cơ sở vật chất và cảnh quan nhà trường bao gồm các điều kiện tự nhiên nơi trường đóng và các phương tiện kĩ thuật phục vụ cho mọi hoạt động của nhà trường.

– Các trường THCS cần phải đảm bảo các điều kiện tối thiểu cở sở vật chất như: không gian trong lớp học đa dạng và phong phú; bàn ghế cơ động; các phương tiện dạy học như bảng, tranh ảnh, sách giáo khoa, Internet và các phương tiện máy tính, máy chiếu… hoạt động tốt và an toàn. Các tài liệu học tập được cung cấp theo yêu cầu học tập ở trường trung học.

Cấu trúc phòng học, ánh sáng, âm thanh đạt yêu cầu về chất lượng, hệ thống nhà được xây dựng đúng tiêu chuẩn. Bài trí tranh ảnh, lô gô khẩu hiệu phải mang tính thẩm mĩ và tính giáo dục tạo nên những nét đẹp văn hoá nhà trường.

– Về cảnh quan nhà trường phải đảm bảo các điều kiện cơ bản như: Phòng học cần được quét dọn thường xuyên, hệ thống cây xanh, thảm cỏ, cây cảnh được phối hợp hài hoà tạo nên sự thân thiện, dễ chịu cho HS trong mọi hoạt động. Không khí trong lành, không gian dành cho các hoạt động được mở rộng và sạch sẽ.

Việc xây dựng cơ sở vật chất và ảnh quan nhà trường là một nội dung cơ bản để có một môi trường học tập thân thiện ở trường THCS. Nếu các yếu tố trên không được đảm bảo thì không thể tạo ra được những ảnh hưởng tích cực đến nhận thức, tình cảm của HS, làm hạn chế chất lượng dạy học trong nhà trường.

Nhà trường phải có sân chơi, có nhà vệ sinh, có đủ nước uống hợp vệ sinh cho HS, có nhà tập thể thao, có đủ đồ dùng học tập, sách và tài liệu tham khảo cho HS. Đây là những điều kiện giúp HS có thể học tập thành công và hiệu quả. Nhà trường phải có vườn trường, có thư viện thân thiện thu hút HS tham gia và tạo sự tham gia tự giác tích cực ở HS.

*5.2.2. Lựa chọn, vận dụng phối hợp các phương pháp dạy học có hiệu quả*

Quá trình dạy học đòi hỏi GV và HS cần nỗ lực tìm ra các giải pháp để dạy và học đạt hiệu quả ngày càng cao, trong đó, việc GV vận dụng phương pháp dạy học phù hợp với nhu cầu, trình độ và các đặc điểm tâm lí khác của lứa tuổi HS THCS nhằm phát huy tính tự giác, tính tích cực chủ động học tập của HS được coi là một giải pháp tốt nhất. Mỗi phương pháp dạy học có ưu điểm, nhược điểm khác nhau và sự phù hợp với nội dung khác nhau, do đó GV cần phối hợp các phương pháp dạy học nhằm huy động tới mức cao nhất tính tích cực học tập của HS, tạo quan hệ học tập hợp tác, chia sẻ trong môi trường nhóm lớp của HS.

Khi lựa chọn, vận dụng, phối hợp phương pháp dạy học, GV cần chú ý:

Nội dung cơ bản của bài học, đặc điểm trình độ nhận thức của HS, điều kiện phục vụ cho dạy học, năng lực của bản thân để thiết kế và tổ chức bài học trong môi trường học tập thân thiện, hiệu quả.

### 5.2.3. Xây dựng quan hệ sư phạm mang tính chuẩn mực

**Để xây dựng một môi trường học tập thân thiện nhằm khai thác mặt giá trị và cảm xúc của HS trong qua trình học tập thì các mối quan hệ trong dạy học có vai trò quyết định. Quan hệ giữa GV với HS, giữa cá nhân HS với nhau, giữa cá nhân với nhóm, giữa nhóm và cả lớp được phát triển theo xu hướng tăng cường sự tương tác, hợp tác và cạnh tranh, tham gia và chia sẻ. Nhà trường cần tăng cường xây dựng các mối quan hệ sư phạm chuẩn mực giữa GV với đồng nghiệp, giữa GV với HS, giữa HS với GV và HS với HS... Tính chuẩn mực trong quan hệ sư phạm phải trở thành nét văn hoá truyền thống của nhà trường, có tác dụng tạo động lực cho hoạt động dạy và học phát triển.**

## 5.3. TRẢ LỜI CÂU HỎI

**Câu 1:** **Anh (chị) hãy phân tích yêu cầu phối hợp giữa các lực lượng trong môi trường giáo dục?**

**Câu 2:** **Theo anh (chị), thế nào là môi trường sư phạm mang tính chuẩn mực?**

## 5.4. CHIA SẺ VỚI ĐỒNG NGHIỆP, TỔ CHUYÊN MÔN

# D. TÀI LIỆU THAM KHẢO


1. Denomme và Madeleine Roy, *Tiến tới một phương pháp sư phạm tương tác*, NXB Thanh niên, 1999.
2. John Wiles and Joseph Bondi, TS Nguyễn Kim Dung (Dịch) *Curriculum Development–A Guide to Practice*, Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh, 2004.
3. Trần Tuyết Oanh, *Giáo dục học*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2008.
4. Phạm Hồng Quang, *Môi trường giáo dục*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2006.